

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI LỘC
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-ST
Ngày: 29/01/2021
“*V/v: Tranh chấp chia tài sản
chung và chia thừa kế theo pháp
luật*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Hương Giang.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Đức Dũng.
2. Ông: Nguyễn Xuân Vinh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đinh Xuân Giáp; Chức vụ:
Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An tham
gia phiên Tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lan Anh; Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Nghi
Lộc, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số
76/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp chia tài sản chung
và chia thừa kế theo pháp luật”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
186/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số
01/2021/QĐST-DS ngày 28/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1940 (Vắng mặt có lý do).

Địa chỉ: Xóm 1, xã Nghi Công N, huyện Nghi L, tỉnh Nghệ An

Bị đơn: Ông Phạm Hữu N, sinh năm 1960 (Vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: Xóm 1, xã Nghi Công N, huyện Nghi L, tỉnh Nghệ An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1983

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 19985

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1987

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1992

Đều có nơi cư trú: Xóm 5, xã Nghi Công B, huyện Nghi L, tỉnh Nghệ An (Tất cả vắng mặt có lý do).

- Ông Phạm Hữu Q, sinh năm 1966 (Vắng mặt có lý do).

Nơi cư trú: Xóm 1, xã Nghi Công N, huyện Nghi L, tỉnh Nghệ An.

- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1979 (Vắng mặt có lý do)

Nơi cư trú : Xóm 1, xã Nghi Công N, huyện Nghi L, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Năm 1960 bà kết hôn với ông Phan Đình V, giữa bà và ông V không có con chung. Đến năm 1973 ông V hy sinh, sau khi ông V hy sinh bà tiếp tục lập gia đình với ông Phạm Hữu T và có 01 người con chung là chị Phạm Thị L, sinh năm 1979. Trước khi lấy bà, ông T cũng đã có vợ là bà Ngô Thị Đ (Bà Đ chết năm 1972), bà Đ và ông T có 03 người con chung gồm: Bà Phạm Thị S (chết năm 2020); ông Phạm Hữu N; ông Phạm Hữu Q. (Bà S có chồng là ông Nguyễn Văn D, ông D chết năm 2011, ông D và bà S có 04 người con là: Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn T). Trong quá trình chung sống bà N và ông T đã tạo dựng được tài sản chung gồm: 01 thửa đất số 17, tờ bản đồ số 41, diện tích 1172,1m² tại địa chỉ: Xóm 1, xã Nghi Công N, huyện Nghi L, tỉnh Nghệ An được Ủy ban nhân dân huyện Nghi L cấp ngày 17/03/2016 mang tên bà Nguyễn Thị N và tài sản trên đất gồm có 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích 40m², sau khi ông T chết bà xây dựng thêm 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích 30m², tuy nhiên hiện nay 02 ngôi nhà không còn giá trị sử dụng. Năm 2001 ông Phạm Hữu T chết và không để lại di chúc và thửa đất và tài sản trên vẫn do bà quản lý và sử dụng. Bà và ông T không nợ ngân hàng và không nợ cá nhân nào. Từ khi ông T chết đến nay không có ai yêu cầu phân chia di sản thừa kế. Nay để đảm bảo quyền lợi bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi tài sản chung của vợ chồng bà (ông T) cho bà được hưởng bằng hiện vật là 1/2 diện tích đất, còn 1/2 diện tích đất còn lại được xác định là di sản của ông T thì chia đều cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật, trong đó có bà. Tuy nhiên phần di sản của bà được chia thì bà nhường lại cho các đồng thừa kế còn lại.

Bị đơn ông Phạm Hữu N quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng ông N đều từ chối không nhận văn bản, không chấp hành các quyền và nghĩa vụ của mình nên ông N không có lời khai hay trình bày ý kiến của mình tại Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị L trình bày: Chị đồng ý với yêu cầu khởi kiện của mẹ chị là bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu Tòa giải quyết chia tài sản chung của cha mẹ chị và chia phần di sản của cha chị cho các

đồng thừa kế theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên phần thừa kế di sản của chị được chia chị nhường lại cho các đồng thừa kế còn lại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hữu Q, anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn T vì bận công việc không thể tham gia tố tụng và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt đồng thời có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ của mình và đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 28; điều 35; điều 39; điều 57; điều 147; điểm b khoản 2 điều 227; điều 228; khoản 2 điều 244; điều 271; điều 273; điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 609, điều 610, điều 611, điều 612, điều 613, điều 623, điều 649, điều 650, điểm a khoản 1 điều 651 và điều 660 của Bộ luật dân sự ; khoản 2 điều 66 của Luật hôn nhân và Gia đình; điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N về chia tài sản chung giữa bà và ông Phạm Hữu T và chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với tài sản 01 thửa đất số 17, tờ bản đồ số 41, diện tích 1172,1m² tại địa chỉ: Xóm 1, xã Nghi Công N huyện Nghi L, tỉnh Nghệ An được Ủy ban nhân dân huyện Nghi L cấp ngày 17/03/2016 mang tên bà Nguyễn Thị N. Cụ thể chia cho bà Nguyễn Thị N được quyền sử dụng 1/2 diện tích đất. Còn 1/2 phần diện tích đất còn lại là thuộc di sản thừa kế của ông Phạm Hữu T và đề nghị chia theo quy định của pháp luật cho các đồng thừa kế hàng thứ nhất của ông T. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị L nhường lại phần di sản được chia cho các đồng thừa kế còn lại, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N, ông Phạm Hữu N thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định của pháp luật. Các đương sự còn lại phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về tranh chấp chia tài sản chung và chia di sản thừa kế theo pháp luật theo quy định tại điều 26; 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị N với bị đơn ông Phạm Hữu N là tranh chấp chia tài sản chung và chia di sản thừa kế theo pháp luật. Tài sản và nơi cư trú của các đương sự đều tại địa bàn huyện Nghi L, nên thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện Nghi L, tỉnh Nghệ An theo quy định tại điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Q, anh L, chị T, chị T, anh T, chị L đã được tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa có lý do (có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt). Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng giữa bà và ông Phạm Hữu T và chia di sản thừa kế là 01 thửa đất số 17, tờ bản đồ số 41, diện tích 1172,1m² tại địa chỉ: Xóm 1, xã Nghi Công N, huyện Nghi L, tỉnh Nghệ An được Ủy ban nhân dân huyện Nghi Lộc cấp ngày 17/03/2016 mang tên bà Nguyễn Thị N cho bà được quyền sử dụng ½ diện tích đất thấy rằng:

Qua kết quả đo đạc thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 11/12/2020 xác định, thửa đất về ranh giới, mốc giới rõ ràng, sử dụng ổn định, diện tích 1172,1 m² đất ở có trị giá 199.240.170 đồng và 02 ngôi nhà cấp 4 đã cũ không còn giá trị sử dụng.

- Đối với yêu cầu chia tài sản chung:

Theo các tài liệu thu thập, cũng như lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án xác định nguồn gốc đất mà nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế theo pháp luật được xác định là tài sản chung của ông Phạm Hữu T và bà Nguyễn Thị N tạo dựng trong quá trình hôn nhân. Sau khi ông Phạm Hữu T chết tài sản trên chưa chia. Năm 1016 bà N đã đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nội dung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện là thửa đất chưa được phân chia theo thừa kế, do đó xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị N là hợp pháp, nay bà N yêu cầu chia đôi tài sản chung của vợ chồng cũng như chia phần di sản thừa kế của ông Phạm Hữu T là phù hợp với Điều 30, Điều 59 và Khoản 2 Điều 66 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên cần chấp nhận. Cụ thể phân chia như sau :

- Chia cho bà Nguyễn Thị N được quyền sử dụng 1/2 diện tích đất ở tại nông thôn là 586.1m², có vị trí tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường thôn có cạnh

11.70; Phía Tây giáp nương có các cạnh 9.29m, 2.91m, 0,97m; Phía Nam giáp đất ông T có cạnh 47.30m; Phía Bắc giáp các thửa đất số 16, 175, 177; có các cạnh 6.71m, 6.78m, 4.96m, 11.95m, 5.18m, 13.00m, có trị giá 99.637.000đ (Chín mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

- Chia cho ông Phạm Hữu T được quyền sử dụng 1/2 diện tích đất ở tại nông thôn là 586.1m², có vị trí tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường thôn có cạnh 12.43m; Phía Tây giáp nương có cạnh 12.44m; Phía Nam giáp thửa đất số 25 có các cạnh là 18.22m, 11.42m, 15.81m; Phía Bắc giáp đất bà N có cạnh 47.30m, có trị giá 99.637.000đ (Chín mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

- *Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế:*

Xác định tài sản là di sản thừa kế của ông Phạm Hữu T để lại là quyền sử dụng đất với diện tích 586.1 m² thuộc một phần thửa đất số 17, tờ bản đồ số 41, tại xóm 1, xã Nghi Công N, huyện Nghi L, tỉnh Nghệ An.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 66 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Khi có yêu cầu về chia di sản thì tài sản chung của vợ chồng được chia đôi. Phần tài sản của vợ, chồng chết được chia theo quy định của pháp luật về thừa kế. Ông Phạm Hữu T chết không có di chúc nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 650 của Bộ luật dân sự phần tài sản của ông Thới được chia theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng như biên bản xác minh sổ hộ khẩu NK3 tại Công an xã Nghi Công N và xã Nghi Công B, huyện Nghi L, tỉnh Nghệ An; Căn cứ vào khoản 2 Điều 651 của Bộ luật dân sự xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Hữu T có 05 người gồm: Bà Nguyễn Thị N (Vợ) và các con là Phạm Thị S, Phạm Hữu N, Phạm Hữu Q, Phạm Thị L và những người được quyền thừa kế trên không phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

Hiện nay 01 người con của ông Thới là Bà Phạm Thị S đã chết năm 2020, có chồng là ông Nguyễn Văn D đã chết năm 2011. Bà S và ông D có 04 người con gồm: Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn T, nay do bà S chết, vì vậy 04 người con này được hưởng suất thừa kế của bà S.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 651 của Bộ luật dân sự quy định: Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau, do đó các đồng thừa kế của ông Phạm Hữu T được chia mỗi người kỹ phần bằng nhau. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị N, chị Phạm Thị L nhường phần di sản của mình được hưởng cho tất cả các đồng thừa kế còn lại. Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên cần được ghi nhận. Do đó phần di sản của ông Phạm Hữu T được chia cụ thể như sau:

- Chia cho anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn T được quyền sử dụng diện tích đất 195.3 m², có tứ cận: Phía Đông giáp đường có cạnh 4.18m; Phía Tây giáp nương có cạnh 4.18m; Phía Nam giáp

đất ông N, có cạnh 46.68m; Phía Bắc giáp đất bà N có cạnh 47.30m, có trị giá 33. 212.333đồng.

- Chia cho ông Phạm Hữu N được quyền sử dụng diện tích đất 195.3 m², có tứ cận: Phía Đông giáp đường có cạnh 4.23m; Phía Tây giáp nương có cạnh 4.24m; Phía Nam giáp đất ông Q, có cạnh 46.04; Phía Bắc giáp đất anh L, chị T, chị T, anh T có cạnh 46.68, có trị giá 33. 212.333đồng.

- Chia cho ông Phạm Hữu Q được quyền sử dụng diện tích đất 195.3 m², có tứ cận: Phía Đông giáp đường có cạnh 4.02m; Phía Tây giáp nương có cạnh 4.02m; Phía Nam giáp thửa đất 25, có các cạnh 18.22m, 11.42, 15.81m; Phía Bắc giáp đất ông N có cạnh 46.04, có trị giá 33. 212.333đồng.

[5] Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị N tự nguyện chịu toàn bộ chi phí, không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, nên ghi nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, bị đơn ông Phạm Hữu N thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí (Người cao tuổi) theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc ông Phạm Hữu Q, anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự theo mức tương ứng với giá trị phần di sản được chia theo quy định tại Điều 147 Bộ luật dân sự và khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 28; Điều 35 ; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 609, Điều 610, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật dân sự ; khoản 2 Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về chia tài sản chung và chia thừa kế theo pháp luật.

1.1. Chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị N và ông Phạm Hữu T là tài sản: Đất ở tại nông thôn có diện tích 1172,1 m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 829982 ngày 17 tháng 3 năm 2016 mang tên bà Nguyễn Thị N thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 41 tại xóm 1, xã Nghi Công N, huyện Nghi L, tỉnh Nghệ An, cụ thể như sau:

- Chia cho bà Nguyễn Thị N được quyền sử dụng 1/2 diện tích đất ở tại nông thôn là 586.1m², có vị trí tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường thôn có cạnh 11.70; Phía Tây giáp nương có các cạnh 9.29m, 2.91m, 0,97m; Phía Nam giáp đất ông Thới có cạnh 47.30m; Phía Bắc giáp các thửa đất số 16, 175, 177; có các cạnh

6.71m, 6.78m, 4.96m, 11.95m, 5.18m, 13.00m, có trị giá 99.637.000đ (Chín mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

- Chia cho ông Phạm Hữu T được quyền sử dụng 1/2 diện tích đất ở tại nông thôn là 586.1m², có vị trí tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường thôn có cạnh 12.43m; Phía Tây giáp nương có cạnh 12.44m; Phía Nam giáp thửa đất số 25 có các cạnh là 18.22m, 11.42m, 15.81m; Phía Bắc giáp đất bà N có cạnh 47.30m, có trị giá 99.637.000đ (Chín mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

1.2. Chia thừa kế phần di sản của ông Phạm Hữu T gồm: Quyền sử dụng đất 586.1 m² có vị trí tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường thôn có cạnh 12.43m; Phía Tây giáp nương có cạnh 12.44m; Phía Nam giáp thửa đất số 25 có các cạnh là 18.22m, 11.42m, 15.81m; Phía Bắc giáp đất bà N có cạnh 47.30m, có trị giá 99.603.000đ (Chín mươi sáu triệu, sáu trăm linh ba nghìn đồng) thuộc một phần thửa đất số 17, tờ bản đồ số 41, tại xóm 1, xã Nghi Công N, huyện Nghi L, tỉnh Nghệ An cho 03 người con thuộc hàng thứ kế thứ nhất gồm:

- Chia cho anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn T được quyền sử dụng diện tích đất 195.3 m², có tứ cận: Phía Đông giáp đường có cạnh 4.18m; Phía Tây giáp nương có cạnh 4.18m; Phía Nam giáp đất ông Nhung, có cạnh 46.68m; Phía Bắc giáp đất bà Ngân có cạnh 47.30m, có trị giá 33. 212.333đồng.

- Chia cho ông Phạm Hữu N được quyền sử dụng diện tích đất 195.3 m², có tứ cận: Phía Đông giáp đường có cạnh 4.23m; Phía Tây giáp nương có cạnh 4.24m; Phía Nam giáp đất ông Q, có cạnh 46.04; Phía Bắc giáp đất anh L, chị T, chị T, anh T có cạnh 46.68, có trị giá 33. 212.333đồng.

- Chia cho ông Phạm Hữu Q được quyền sử dụng diện tích đất 195.3 m², có tứ cận: Phía Đông giáp đường có cạnh 4.02m; Phía Tây giáp nương có cạnh 4.02m; Phía Nam giáp thửa đất 25, có các cạnh 18.22m, 11.42, 15.81m; Phía Bắc giáp đất ông N có cạnh 46.04, có trị giá 33. 212.333đồng.

(Vị trí đất được chia cho các đương sự có sơ đồ kèm theo bản án).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm :

- Anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn T phải chịu 1.661.000đồng. Ông Phạm Hữu Q phải chịu 1.661.000đồng.

- Miễn nghĩa vụ nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị N và ông Phạm Hữu N.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự được quyền đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục về đất đai theo quy định của pháp luật đối với diện tích đất đã được chia trong bản án.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nghi L;
- Chi cục THADS huyện Nghi L;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Hương Giang